

Số: 784/QĐ-ĐLDK

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá của gói thầu
“Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, 2022
và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP”

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1227/QĐ-ĐLDK ngày 29/11/2019 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy chế phân cấp quản lý và lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/05/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 292/QĐ-ĐLDK ngày 03/04/2020 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt và ban hành Quy định mua sắm hàng hóa và dịch vụ từ nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-ĐLDK ngày 03/06/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc ủy quyền cho Ông Nguyễn Duy Giang - Phó Tổng giám đốc;

Căn cứ Quyết định số 720/QĐ-ĐLDK ngày 07/06/2021 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt phạm vi công việc, thời gian thực hiện, dự toán và nguồn vốn cho dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP;

Căn cứ Quyết định số 734/QĐ-ĐLĐK ngày 10/06/2021 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc thành lập Tổ chuyên gia gói thầu “Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP”.

Căn cứ Quyết định số 754/QĐ-ĐLĐK ngày 18/06/2020 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói thầu “Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP”.

Xét Tờ trình số 02/TTr-TCG ngày 30/06/2021 của Tổ chuyên gia về việc xin phê duyệt Bản yêu cầu báo giá của gói thầu “Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP”.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Bản yêu cầu báo giá của gói thầu “Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP” (như tài liệu đính kèm).

Điều 2: Giao Tổ chuyên gia xét thầu làm đầu mối, phối hợp với các Ban chuyên môn có trách nhiệm tổ chức thực hiện gói thầu trên theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Kế toán trưởng, Chánh Văn phòng, Trưởng ban các Ban: Thương mại, Pháp chế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐQT TCT (để b/c);
- TGD TCT (để b/c);
- BKS TCT (e-copy);
- Lưu: VT, TCG (LTH-03b).

Đính kèm:

- Bản yêu cầu báo giá.

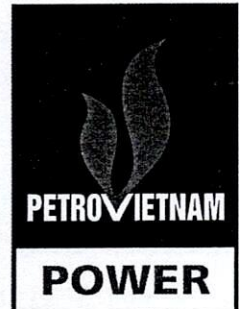
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Giang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN YÊU CẦU BÁO GIÁ

Tên gói thầu: Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty cổ phần

Phát hành ngày: 02/07/2021

Ban hành kèm theo Quyết định: 784/QĐ-ĐLĐK ngày 02/7/2021

Bên mời thầu: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Giang

Chương I. YÊU CẦU NỘP BÁO GIÁ

Mục 1. Khái quát

1. Tên bên mời thầu: Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
2. Bên mời thầu mời nhà cung cấp tham gia chào hàng cạnh tranh (nộp báo giá) cho Gói thầu **“Thuê đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP”**. Phạm vi công việc, yêu cầu của gói thầu nêu tại Chương II của Bản yêu cầu báo giá này.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Mục 2. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói thầu này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
4. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Đã đăng ký trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Mục 3. Đơn chào hàng, giá chào và biểu giá

1. Nhà cung cấp phải nộp đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 03a Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói thầu, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong bản yêu cầu báo giá với đúng giá đã chào.

2. Giá chào là giá do nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu trên cơ sở yêu cầu của bản yêu cầu báo giá, kể cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì

báo giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp báo giá. Trong đề xuất giảm giá, nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục.

Mục 4. Thành phần báo giá

Báo giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Biểu giá theo Mẫu số 03a Chương III;
3. Các tài liệu khác theo yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá.

Mục 5. Thời hạn hiệu lực của báo giá

Thời gian hiệu lực của báo giá là **20 ngày**, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 6. Nộp, tiếp nhận, đánh giá báo giá

1. Nhà cung cấp phải nộp báo giá (được niêm phong) trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ:

Lê Thúy Hằng – Chuyên viên Ban TCKT

Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Tầng 8 tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Trung Kính, P. Yên Hòa, Q. Cầu Giấy, HN.

Số điện thoại: 024 22210288

Fax: 024 22210388

Thời điểm nộp không muộn hơn **15 giờ 00' ngày 08/07/2021**. Các báo giá hoặc báo giá sửa đổi hoặc các tài liệu đề nghị sửa đổi báo giá (nếu có) được gửi đến bên mời thầu sau thời điểm hết hạn nộp báo giá sẽ không được xem xét.

Số lượng hồ sơ chào giá phải nộp: 01 bản gốc và 02 bản sao y có công chứng.

2. Bên mời thầu chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong báo giá của từng nhà cung cấp. Ngay sau khi kết thúc thời hạn nộp báo giá, bên mời thầu lập văn bản tiếp nhận các báo giá bao gồm tối thiểu các nội dung: tên nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của báo giá và gửi văn bản tiếp nhận này đến các nhà cung cấp đã nộp báo giá.

3. Bên mời thầu so sánh các báo giá theo bản yêu cầu báo giá. Trong quá trình đánh giá các báo giá, bên mời thầu có thể mời nhà cung cấp có giá chào thấp nhất đến thương thảo hợp đồng.

Mục 7. Điều kiện xét duyệt trúng thầu

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong bản yêu cầu báo giá;
2. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt dự toán gói thầu được duyệt.

Mục 8. Công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax, email và được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia hoặc Báo đấu thầu theo quy định.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu có nhà cung cấp không trúng thầu gửi văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký kết hợp đồng, bên mời thầu sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

3. Thương thảo thỏa mãn các điều kiện của bên mời thầu.

Mục 9. Quyền của bên mời thầu

Trong quá trình thực hiện đấu thầu, nếu xét thấy có phát sinh các vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Bên mời thầu thì Bên mời thầu có thể xem xét hủy thầu.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

A. Phạm vi yêu cầu của gói thầu

Bảng số 1. Yêu cầu cung cấp

Nhà cung cấp phải cung cấp dịch vụ theo đúng nội dung nêu tại bảng sau:

YÊU CẦU
1. Phạm vi công việc: - Soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. - Kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. 2. Yêu cầu kỹ thuật Kinh nghiệm kiểm toán đối với các công ty niêm yết: trong vòng 3 năm trở lại đây (2018-2020) đã thực hiện kiểm toán tối thiểu 5 công ty niêm yết, trong đó có công ty trong lĩnh vực dầu khí, điện khí và hoạt động của Tổng công ty. <i>*) Yêu cầu phải kèm theo tài liệu chứng minh (Bản sao y có công chứng hợp đồng đã thực hiện)</i> 3. Yêu cầu về nhân sự: - Năng lực nhà cung cấp: Nhà cung cấp có từ 60 nhân viên trở lên có chứng chỉ kiểm toán viên hành nghề kiểm toán tại Việt Nam. - Phó Tổng giám đốc, chủ nhiệm kiểm toán thực hiện kiểm toán phải có tối thiểu 2-3 năm kinh nghiệm kiểm toán tại các công ty niêm yết tại Việt Nam, có nhiều kinh nghiệm đối với lĩnh vực dầu khí, lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty (sản xuất điện khí, điện và lĩnh vực khác). <i>*) Yêu cầu phải kèm theo lý lịch chuyên gia có xác nhận của đơn vị</i> - Cán bộ thực hiện kiểm toán phải có tối thiểu 2 năm kinh nghiệm kiểm toán tại các công ty niêm yết. <i>*) Yêu cầu phải kèm theo lý lịch có xác nhận của đơn vị và báo cáo kiểm toán.</i>

1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

Chi tiết phạm vi cung cấp như Yêu cầu nêu tại Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

2. Thời gian và địa điểm thực hiện công việc

2.1 Thời gian thực hiện hợp đồng: **trong vòng 33 tháng** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và phải đảm bảo các mốc thời gian cụ thể như sau:

*** Đối với soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021:**

- Lập kế hoạch: tháng 07/2021
- Thực hiện các thủ tục soát xét: tháng 07/2021
- Dự thảo báo cáo soát xét: ngày 27/07/2021
- Phát hành báo cáo soát xét: ngày 31/07/2021

*** Đối với kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021:**

- Lập kế hoạch: Tháng 10/2021
- Thực hiện các thủ tục kiểm tra sơ bộ: tháng 11/2021
- Tham gia chứng kiến kiểm kê: ngày 31/12/2021
- Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm: trong tháng 02/2022
- Dự thảo báo cáo kiểm toán: ngày 10/03/2022
- Phát hành báo cáo kiểm toán: ngày 15/03/2022

*** Đối với soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022:**

- Lập kế hoạch: tháng 07/2022
- Thực hiện các thủ tục soát xét: tháng 07/2022
- Dự thảo báo cáo soát xét: ngày 27/07/2022
- Phát hành báo cáo soát xét: ngày 31/07/2022

*** Đối với kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022:**

- Lập kế hoạch: Tháng 10/2022
- Thực hiện các thủ tục kiểm tra sơ bộ: tháng 11/2022
- Tham gia chứng kiến kiểm kê: ngày 31/12/2022
- Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm: trong tháng 02/2023
- Dự thảo báo cáo kiểm toán: ngày 10/03/2023
- Phát hành báo cáo kiểm toán: ngày 15/03/2023

*** Đối với soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023:**

- Lập kế hoạch: tháng 07/2023
- Thực hiện các thủ tục soát xét: tháng 07/2023
- Dự thảo báo cáo soát xét: ngày 27/07/2023
- Phát hành báo cáo soát xét: ngày 31/07/2023

*** Đối với kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023:**

- Lập kế hoạch: Tháng 10/2023
- Thực hiện các thủ tục kiểm tra sơ bộ: tháng 11/2023
- Tham gia chứng kiến kiểm kê: ngày 31/12/2023
- Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm: trong tháng 02/2024
- Dự thảo báo cáo kiểm toán: ngày 10/03/2024
- Phát hành báo cáo kiểm toán: ngày 15/03/2024

2.2 Địa điểm thực hiện: Hà Nội, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Cà Mau

3. Yêu cầu về kỹ thuật

Chi tiết yêu cầu về kỹ thuật nêu tại Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp.

4. Yêu cầu về tài chính, thương mại

Trong biểu giá, nhà cung cấp phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau: giá chào đã bao gồm giá trị dịch vụ, thuế GTGT, các loại thuế và lệ phí khác, bảo hiểm, các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.

Phương thức và điều kiện thanh toán: Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản bằng đồng Việt Nam.

B Tiêu chuẩn đánh giá

STT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
I	Về phạm vi công việc.		
1	Phạm vi công việc	Chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không chào đủ 100% phạm vi công việc theo Mục 1, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II.	Không đạt

STT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
II	Yêu cầu kỹ thuật		
1	Các yêu cầu kỹ thuật.	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu kỹ thuật trong Mục 2, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong Mục 2, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt
III	Yêu cầu về nhân sự		
1	Yêu cầu về nhân sự	Đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn yêu cầu về nhân sự trong Mục 3, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Đạt
		Không đáp ứng yêu cầu về nhân sự trong Mục 3, Bảng số 1 – Yêu cầu cung cấp, Chương II	Không đạt
III	Thời gian thực hiện hợp đồng		
1	Thời gian thực hiện hợp đồng	≤ 33 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và đảm bảo các mốc thời gian đã nêu tại điểm A mục 2.1	Đạt
		> 33 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực và không đảm bảo các mốc thời gian đã nêu tại điểm A mục 2.1	Không đạt
2	Địa điểm thực hiện:	Đáp ứng các yêu cầu về địa điểm thực hiện nêu tại điểm A mục 2.2	Đạt
		Không đáp ứng các yêu cầu về địa điểm thực hiện nêu tại điểm	Không đạt

STT	Nội dung đánh giá		Mức độ đáp ứng
		A mục 2.2	

Bản yêu cầu báo giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu khi tất cả các tiêu chuẩn đều được đánh giá là đạt

Handwritten signature

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của bên mời thầu]

Sau khi nghiên cứu bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi bản yêu cầu báo giá số _____ [Ghi số của văn bản sửa đổi (nếu có)] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên nhà cung cấp], cam kết thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] theo đúng yêu cầu của bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với biểu giá kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của gói thầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của bản yêu cầu báo giá.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

STT	Nội dung	Giá chào
1		(M)
2		(I)
Tổng cộng giá chào <i>(Kết chuyển sang đơn chào hàng)</i>		(M) + (I)

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Chương IV. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Số: /

Căn cứ Bộ luật Dân sự đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 44 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại đã được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Kiểm toán Độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29 tháng 3 năm 2011 và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ vào Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;

Căn cứ vào biên bản thương thảo hợp đồng.

Hà Nội, ngày tháng năm , Hợp đồng này được lập tại Hà Nội, bởi và giữa (“các Bên”):

BÊN A: TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY CỔ PHẦN

Đại diện là:

Chức vụ:

Điện thoại: 84 24 2221 0288 Fax: 84 24 2221 0388

Địa chỉ: Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 đường Trung Kính, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Mã số thuế: 010 227 6173

BÊN B:

Đại diện là: .

Chức vụ:

Điện thoại: . Fax: .

Địa chỉ: .

Tài khoản ngân hàng: .

Tại: .

Mã số thuế: .

Điều 1: Nội dung dịch vụ

Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ cho Bên A như sau:

Soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Điều 2: Luật định và Chuẩn mực

Mục tiêu của cuộc kiểm toán là đưa ra ý kiến về tính trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, của báo cáo tài chính của Bên A được trình bày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bên B sẽ lập kế hoạch và thực hiện công việc (i) Soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, (ii) Kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021, 2022 và 2023 của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do sai sót hoặc gian lận.

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của các Bên

3.1 Quyền và trách nhiệm của Bên A

a. Quyền của Bên A

Yêu cầu Bên B cung cấp thông tin trong hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán và thông tin về kiểm toán viên thực hiện kiểm toán theo hợp đồng này.

Từ chối cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm toán.

Đề nghị thay thế thành viên tham gia kiểm toán theo hợp đồng này nếu Bên A có căn cứ cho rằng thành viên đó vi phạm nguyên tắc hoạt động kiểm toán độc lập trong quá trình thực hiện kiểm toán.

Khiếu nại về hành vi của thành viên tham gia kiểm toán theo hợp đồng này khi Bên A có căn cứ cho rằng hành vi đó là trái pháp luật.

b. Trách nhiệm của Bên A

Ban Tổng Giám đốc Bên A có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trung thực và chính xác, tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Bên A cũng có trách nhiệm lập các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất trung thực và chính xác, tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo đó, bên cạnh các trách nhiệm khác, Ban Tổng Giám đốc Bên A có trách nhiệm: (1) thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hữu hiệu đối với việc lập báo cáo tài chính và các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất, (2) phát hiện và đảm bảo rằng Bên A tuân thủ theo các quy định hiện hành đối với mọi hoạt động của mình và thông báo với Bên B bất kỳ một trường hợp vi phạm pháp luật nào về việc lưu giữ và quản lý các chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính, các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất và các tài liệu có liên quan một cách an toàn, bí mật theo đúng quy định của Nhà nước, (3) phản ánh các nghiệp vụ phát sinh một cách đúng đắn vào sổ sách kế toán, (4) điều chỉnh báo cáo tài chính và các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất trong trường hợp có sai sót trọng yếu, (5) thực hiện các ước tính kế toán phù hợp, (6) bảo vệ tài sản, (7) đảm bảo cung cấp kịp thời các thông tin cần thiết có liên quan cho Bên B, (8) cung cấp cho Bên B các báo cáo tài chính và các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất đã được ký và đóng dấu xác nhận và (9) bố trí nhân sự liên quan cùng hợp tác làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Bên A còn có trách nhiệm thiết lập và thực hiện các chương trình và các thủ tục kiểm soát nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và có trách nhiệm thông báo cho Bên B về những gian lận, đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ, có ảnh hưởng đến Bên A liên quan đến (1) Ban Tổng Giám đốc, (2) những nhân viên có vai trò quan trọng trong hệ thống kiểm soát nội bộ, và (3) các trường hợp khác có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính và các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Bên A cũng có trách nhiệm thông báo cho Bên B nguyên nhân của các gian lận đã được phát hiện hoặc đang nghi ngờ có ảnh hưởng đến Bên A mà Ban Tổng Giám đốc biết được qua trao đổi với nhân viên đang công tác, các nhân viên đã nghỉ việc, các nhà phân tích, các cơ quan Nhà nước hoặc những cá nhân khác.

Bên B sẽ đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với Ban Tổng Giám đốc Bên A về các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính và các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất. Bên B sẽ yêu cầu Bên A cung cấp Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc, một trong những thủ tục của quy trình kiểm toán, nêu rõ trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Bên A trong việc lập báo cáo tài chính và các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót và tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh trên báo cáo tài chính và các thông tin

tài chính cho mục đích hợp nhất do Bên B tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến kỳ hoạt động trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính và các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất.

Bên B cũng sẽ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình kiểm toán. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về báo cáo tài chính và các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất của Bên A. Vì tầm quan trọng của thư giải trình của Ban Tổng Giám đốc, Bên A đồng ý miễn trừ và bảo đảm cho Bên B và các nhân viên của họ khỏi các khoản công nợ, các trách nhiệm pháp lý và các chi phí có liên quan đến dịch vụ quy định tại hợp đồng này phát sinh do việc giải trình sai của Ban Tổng Giám đốc Bên A.

Ban Tổng Giám đốc Bên A có trách nhiệm đơn đốc các đơn vị trực thuộc Bên A, thuộc phạm vi dịch vụ như đã thỏa thuận tại Điều 1 của Hợp đồng này, thực hiện việc cung cấp tài liệu và hồ sơ cho mục đích thực hiện công việc theo tiến độ đã thống nhất tại Điều 6 của Hợp đồng này, đồng thời cử người đại diện của Bên A làm đầu mối liên lạc với Bên B trong suốt quá trình thực hiện công việc đã thống nhất tại Hợp đồng này là tại địa chỉ nêu trên.

Trong trường hợp Bên A vi phạm bất kỳ cam kết nào của hợp đồng này thì Bên A phải chịu phạt với mức phạt là 08% của phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. Ngoài ra, Bên A phải bồi thường 100% (một trăm phần trăm) giá trị thiệt hại cho Bên B trên cơ sở những chứng cứ thực tế về thiệt hại trực tiếp mà Bên B gánh chịu.

3.2 Quyền và trách nhiệm của Bên B

a. Quyền của Bên B

Được nhận phí dịch vụ thực hiện công việc;

Được Bên A cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết và giải trình các vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm toán.

b. Trách nhiệm của Bên B

Bên B có trách nhiệm thực hiện công việc Soát xét/Kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và cung cấp cho Bên A báo cáo soát xét/Kiểm toán về báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Bên A khi kết thúc công việc Soát xét/Kiểm toán.

Phối hợp với kiểm toán viên kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo đúng quy định tại Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 600 – Sử dụng tư liệu của kiểm toán viên khác và các quy định có liên quan.

Bên B sẽ báo cáo trực tiếp tới Người đại diện của Bên A, như đã chỉ định tại Điều 3 – Trách nhiệm của Bên A của Hợp đồng này, về tiến độ cung cấp hồ sơ và dữ liệu phục vụ cho công việc như đã thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng này. Nếu

trong trường hợp tiến độ cung cấp hồ sơ và dữ liệu của các đơn vị thành viên của Bên A không theo đúng như tiến độ đã thống nhất của Hợp đồng này dẫn tới Bên B không thể thực hiện công việc như đã thống nhất tại Điều 6 của Hợp đồng này thì số ngày cung cấp hồ sơ/dữ liệu chậm của Bên A sẽ được tính để lùi tương ứng thời hạn mà Bên B phải cung cấp báo cáo tới Bên A.

Bên B sẽ báo cáo trực tiếp cho Hội đồng Quản trị hoặc cấp quản lý thích hợp của Bên A về những vấn đề được chú ý trong quá trình kiểm toán mà Bên B cho rằng là những “vấn đề thiếu sót”. “Vấn đề thiếu sót” là những vấn đề mà Bên B cho rằng cần phải thảo luận với Hội đồng Quản trị của Bên A vì những vấn đề này thể hiện những thiếu sót trọng yếu trong việc thiết lập hoặc vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ có thể ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình ghi nhận, xử lý, và báo cáo các dữ liệu tài chính nhất quán với những xác nhận của Ban Tổng Giám đốc trên báo cáo tài chính và các thông tin tài chính cho mục đích hợp nhất.

Nhằm tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp có liên quan, khi phát hiện ra các vi phạm trọng yếu, Bên B sẽ trao đổi với Hội đồng Quản trị của Bên A sớm nhất có thể và nếu Hội đồng Quản trị của Bên A không quy định khác thì các vi phạm không trọng yếu sẽ được Bên B trao đổi với Hội đồng Quản trị của Bên A sau khi kết thúc kiểm toán.

Bên B sẽ thông báo cho Bên A các tình huống có thể dẫn đến :

- + Việc trì hoãn việc hoàn thành các công việc của Bên B trong quá trình kiểm toán;

- + Việc mở rộng phạm vi công việc; hoặc

- + Việc tăng phí cho khối lượng công việc.

Theo hợp đồng này, nếu Bên B biết những thông tin mật của Bên A, Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một Bên thứ Ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và hệ thống quản lý pháp luật, hoặc phù hợp với chuẩn mực nghiệp vụ đang được áp dụng, hoặc có quan hệ với các tranh chấp kiện cáo liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên (i) đã được phổ biến rộng rãi (bao gồm bất kỳ thông tin nào được nộp với các cơ quan quản lý Nhà nước và được phổ biến rộng rãi) chứ không phải do Bên B vi phạm tiết lộ thông tin này, (ii) được công bố bởi Bên A đến Bên thứ Ba mà không vi phạm những giới hạn nêu trên, (iii) được công bố đến Bên B từ một Bên thứ 3 mà Bên B tin rằng việc tiết lộ những thông tin này không vi phạm bất kỳ một điều khoản ràng buộc nào của Bên B với Bên A, hoặc (iv) thông tin được Bên B biết trước khi có công bố từ Bên A mà không có bất kỳ giới hạn mật về thông tin như trên.

Bên B cam kết sẽ đảm bảo cung cấp dịch vụ với chất lượng cao. Nếu Bên A muốn thảo luận với Bên B về cách thức để có thể nâng cao chất lượng dịch vụ mà Bên B cung cấp cho Bên A vào bất kỳ thời điểm nào hoặc trong trường hợp Bên A

không hài lòng với chất lượng dịch vụ mà Bên B đang cung cấp thì xin vui lòng liên hệ với bên B. Đầu mối liên hệ chính của bên B là tại địa chỉ nêu trên hoặc, nếu Bên A muốn liên hệ với một ai khác thì xin vui lòng liên lạc với của Bên B. Bên B sẽ cân nhắc kỹ các vấn đề mà bên B thấy cần quan tâm một cách kịp thời và liên hệ với Bên A để bàn phương án giải quyết vấn đề đó.

Chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Bên A về kết quả kiểm toán theo hợp đồng này.

Trong trường hợp Bên B vi phạm hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt với mức phạt là 08% của phần giá trị hợp đồng bị vi phạm. Ngoài ra, Bên B phải bồi thường 100% (một trăm phần trăm) giá trị thiệt hại cho Bên A trên cơ sở những chứng cứ thực tế về thiệt hại trực tiếp mà Bên A gánh chịu.

Điều 4: Báo cáo

Sau khi kết thúc cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp:

(i) 08 (tám) bản bằng tiếng Việt và 06 (sáu) bản bằng tiếng Anh báo cáo của kiểm toán viên về báo cáo tài chính riêng của Bên A cho năm tài chính năm 2021, 2022 và 2023 được lập phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

(ii) 08 (tám) bản bằng tiếng Việt và 06 (sáu) bản bằng tiếng Anh báo cáo của kiểm toán viên về báo cáo tài chính hợp nhất của Bên A cho năm tài chính năm 2021, 2022 và 2023 được lập phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

(iii) 06 (sáu) bản thư quản lý bằng tiếng Việt về các vấn đề liên quan đến kiểm soát nội bộ và kế toán tại Bên A.

(iv) 08 (tám) bản bằng tiếng Việt và 06 (sáu) bản tiếng Anh báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2021, 2022 và 2023 của Bên A.

(v) 08 (tám) bản bằng tiếng Việt và 06 (sáu) bản tiếng Anh báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021, 2022 và 2023 của Bên A.

Điều 5: Sửa đổi và diễn giải mang tính hồi tố

Kết quả kiểm toán của Bên B dựa trên các diễn giải của Bên A về các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực, mà các diễn giải này có thể khác với cách diễn giải các văn bản pháp luật, quy định và chuẩn mực của các cơ quan đại diện luật pháp hay các cơ quan khác sau đó. Do đó, khả năng phải điều chỉnh có tính hồi tố trong các Báo cáo tài chính trong tương lai là không thể tránh khỏi. Rủi ro này được Bên A xác nhận.

Điều 6: Thời gian thực hiện kiểm toán

Bên B dự tính sẽ lập kế hoạch thực hiện kiểm toán, trên cơ sở phạm vi thống nhất tại Điều 1 của Hợp đồng này nhằm đảm bảo thời gian như dưới:

*** Đối với soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2021:**

- Lập kế hoạch: tháng 07/2021
- Thực hiện các thủ tục soát xét: tháng 07/2021
- Dự thảo báo cáo soát xét: ngày 27/07/2021
- Phát hành báo cáo soát xét: ngày 31/07/2021

*** Đối với kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021:**

- Lập kế hoạch: Tháng 10/2021
- Thực hiện các thủ tục kiểm tra sơ bộ: tháng 11/2021
- Tham gia chứng kiến kiểm kê: ngày 31/12/2021
- Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm: trong tháng 02/2022
- Dự thảo báo cáo kiểm toán: ngày 10/03/2022
- Phát hành báo cáo kiểm toán: ngày 15/03/2022

*** Đối với soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2022:**

- Lập kế hoạch: tháng 07/2022
- Thực hiện các thủ tục soát xét: tháng 07/2022
- Dự thảo báo cáo soát xét: ngày 27/07/2022
- Phát hành báo cáo soát xét: ngày 31/07/2022

*** Đối với kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022:**

- Lập kế hoạch: Tháng 10/2022
- Thực hiện các thủ tục kiểm tra sơ bộ: tháng 11/2022
- Tham gia chứng kiến kiểm kê: ngày 31/12/2022
- Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm: trong tháng 02/2023
- Dự thảo báo cáo kiểm toán: ngày 10/03/2023
- Phát hành báo cáo kiểm toán: ngày 15/03/2023

*** Đối với soát xét báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2023:**

- Lập kế hoạch: tháng 07/2023
- Thực hiện các thủ tục soát xét: tháng 07/2023

- Dự thảo báo cáo soát xét: ngày 27/07/2023
- Phát hành báo cáo soát xét: ngày 31/07/2023

*** Đối với kiểm toán báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023:**

- Lập kế hoạch: Tháng 10/2023
- Thực hiện các thủ tục kiểm tra sơ bộ: tháng 11/2023
- Tham gia chứng kiến kiểm kê: ngày 31/12/2023
- Thực hiện các thủ tục kiểm toán cuối năm: trong tháng 02/2024
- Dự thảo báo cáo kiểm toán: ngày 10/03/2024
- Phát hành báo cáo kiểm toán: ngày 15/03/2024

Điều 7: Phí dịch vụ và phương thức thanh toán

Tổng mức phí, đã bao gồm thuế GTGT, cho dịch vụ nêu tại Điều 1 là VND (Bằng chữ:).

Mức phí trên được tính toán trên cơ sở trách nhiệm, kinh nghiệm và thời gian cần thiết để thực hiện công việc. Giá phí hợp đồng trọn gói đã bao gồm các khoản phí để làm thêm các thủ tục kiểm toán bổ sung (nếu có) liên quan đến công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất, kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất và các yêu cầu phục vụ thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất theo yêu cầu của Tập đoàn. Mức phí phân bổ chi tiết cho các chi nhánh trực thuộc của Tổng công ty như sau:

Tên công ty	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	TỔNG
<i>Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh</i>				
<i>Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch</i>				
<i>Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau</i>				
<i>Cơ quan Văn phòng Tổng công ty(*)</i>				
Tổng cộng				

(*) Dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính thực hiện tại Hà nội bao gồm (i) Cơ quan Văn phòng Tổng công ty, (ii) Chi nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam-CTCP – Công ty Cung ứng nhiên liệu Điện lực Dầu khí (PVPF);(iii) Chi

nhánh Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP – Ban quản lý dự án điện (PVPP) và (iv) Báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty.

Ngày phát hành hóa đơn:	Tiến độ thanh toán
Sau khi ký hợp đồng 02 ngày	30% phí kiểm toán năm 2021
Tại ngày phát hành báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ (6 tháng đầu năm 2021)	30% phí kiểm toán năm 2021
Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	40% phí kiểm toán năm 2021
Tại ngày phát hành báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ (6 tháng đầu năm 2022)	40% phí kiểm toán năm 2022
Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022	60% phí kiểm toán năm 2022
Tại ngày phát hành báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ (6 tháng đầu năm 2023)	40% phí kiểm toán năm 2023
Tại ngày phát hành báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023	60% phí kiểm toán năm 2023

Các hóa đơn của Bên B sẽ được thanh toán trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Bên A nhận được Bản gốc Công văn đề nghị thanh toán và hóa đơn tài chính hợp lệ. Hóa đơn được xuất cho từng Chi nhánh/Công ty trực thuộc của Bên A (thông tin chi tiết tại Phụ lục 1 của hợp đồng này) theo số tiền cụ thể phân bổ quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.

Phí dịch vụ sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B bằng Đồng Việt Nam. Bên B có quyền tính lãi trả chậm bằng lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng của Vietcombank tại thời điểm thanh toán nếu Bên A không thanh toán đúng theo các điều khoản về thanh toán.

Mức phí trên được tính dựa trên các giả định sau: (1) Bên A cung cấp kịp thời và đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu của Bên B, (2) không có bất kỳ sự chậm trễ nào trong suốt quá trình kiểm toán hoặc thay đổi phạm vi kiểm toán bởi những sự kiện ngoài tầm kiểm soát của Bên B, (3) hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả trong suốt giai đoạn được kiểm toán, (4) chỉ phát sinh những điều chỉnh không đáng kể trong quá trình kiểm toán (được điều chỉnh hoặc không điều chỉnh), (5) kế hoạch thời gian và khối lượng công việc của Bên B đã được ước tính hợp lý, và (6) Bên A chi trả kịp thời các hoá đơn mà Bên B đã phát hành.

Kết thúc hợp đồng trước thời hạn

Nếu Bên B buộc phải kết thúc hợp đồng kiểm toán hoặc rút lui khỏi cuộc kiểm toán vì một sự kiện nào đó thì Bên A nhất trí rằng Bên B sẽ được hưởng mức phí hợp lý tương xứng với phần công việc Bên B đã thực hiện và tham gia vào hợp đồng này tính đến ngày ngừng cung cấp dịch vụ. Hai bên sẽ cùng thỏa thuận để đưa ra một mức phí hợp lý trên cơ sở công việc bên B đã thực hiện cùng với những thiệt hại của Bên A do sự kiện này.

Điều 8: Các dịch vụ khác

Các dịch vụ khác cung cấp ngoài các dịch vụ được nêu tại Điều 1 sẽ được tính riêng. Trong trường hợp nếu Bên A cần Bên B cung cấp dịch vụ khác liên quan đến dịch vụ kiểm toán, nội dung các dịch vụ này sẽ được Bên A và Bên B thỏa thuận thống nhất bằng văn bản. Trên cơ sở thỏa thuận của Bên A và Bên B, các dịch vụ không liên quan đến dịch vụ kiểm toán sẽ được trình bày trong một hợp đồng riêng.

Điều 9: Các vấn đề về tính độc lập

Liên quan đến cuộc kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc của Bên A và Bên B có vai trò và trách nhiệm trong việc bảo đảm tính độc lập của Bên B. Vì thế, Ban Tổng Giám đốc Bên A sẽ đảm bảo rằng Bên A có áp dụng các chính sách và các thủ tục nhằm mục đích đảm bảo Bên A sẽ không ký hợp đồng hay chấp thuận bất cứ dịch vụ nào khác từ Bên B mà theo các quy định hiện hành có thể gây ảnh hưởng đến tính độc lập của Bên B. Tất cả các dịch vụ mà Bên A có thể yêu cầu này cần được thảo luận trước với Bên B.

Ban Tổng Giám đốc Bên A sẽ phối hợp với Bên B nhằm đảm bảo rằng tính độc lập của Bên B không bị ảnh hưởng do Bên A tuyển dụng các Giám đốc, nhân viên nghiệp vụ cũ hoặc hiện tại của Bên B vào các vị trí chủ chốt của Bên A mà có khả năng dẫn đến việc vi phạm các quy định hiện hành về tính độc lập. Việc Bên A tuyển dụng các nhân viên cũ hoặc hiện tại của Bên B cần được thảo luận với Bên B trước khi Bên A tiến hành phỏng vấn tuyển dụng các nhân viên đó.

Điều 10: Chống tham nhũng

Bên B hiểu rằng Bên A phải tuân thủ luật pháp về việc không được hối lộ và/hoặc biếu tặng bất kỳ thứ gì có giá trị cho các công chức Nhà nước với ý định gây ảnh hưởng đến cá nhân đó để có lợi cho Bên A. Bên B cũng phải tuân thủ các quy định tương tự theo luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Ngoài ra, Bên B cũng có các chính sách và quy trình nội bộ riêng để ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức. Trong quá trình cung cấp dịch vụ, Bên B cam kết không đề nghị, hứa hẹn hoặc đưa ra các lợi ích tài chính hoặc bất kỳ lợi ích nào khác cho người khác với ý định khiến họ thực hiện các hành vi sai trái hoặc khuyến khích các hành vi sai trái vì lợi ích của Bên A.

Điều 11: Luật áp dụng

Luật áp dụng là các Bộ Luật liên quan nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam như đã trình bày tại mục căn cứ của Hợp đồng này.

Điều 12: Giới hạn trách nhiệm và bồi thường

Bên A đồng ý rằng mọi trách nhiệm của Bên B, các thành viên Ban Giám đốc, giám đốc nghiệp vụ, nhân viên hay các đơn vị liên quan của Bên B đối với bất kỳ khoản lỗ, tổn thất, chi phí hay thiệt hại nào mà Bên A phải gánh chịu phát sinh liên quan đến hợp đồng, các dịch vụ hoặc công việc cho mục đích thực hiện hợp đồng, do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (bao gồm sự bất cẩn của Bên B nhưng không bao gồm những hành vi cố ý của Bên B), nếu được tòa án chứng thực, sẽ chỉ giới hạn trong khoản phí mà Bên B nhận được tương xứng với phần dịch vụ hay sản phẩm công việc làm phát sinh trách nhiệm này.

Bên A đồng ý bảo đảm và bảo vệ Bên B, các thành viên Ban Tổng Giám đốc, giám đốc nghiệp vụ, nhân viên và các đơn vị liên quan của Bên B khỏi, và đối với, bất kỳ và toàn bộ các chi phí, tổn thất, khiếu nại, yêu sách, kiện tụng, kiện cáo hay chi phí kiện tụng đã trả, đã phát sinh, hay đã chấp nhận (tùy thuộc từng tình huống cụ thể), do một bên thứ ba khởi kiện Bên B do hoặc liên quan đến hợp đồng này, hoặc do việc sử dụng báo cáo kiểm toán do bất kỳ nguyên nhân nào gây ra (trừ trường hợp do hành vi gian lận hay hành vi sai trái cố ý của Bên B).

Bên A đồng ý rằng Bên B sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với Bên A về các tổn thất, chi phí, thiệt hại chỉ trong trường hợp nếu các thông tin mang tính trọng yếu đối với các dịch vụ được thực hiện trong hợp đồng này bị bên thứ ba cung cấp thiếu, từ chối cung cấp, che giấu, cung cấp thông tin không đúng, không chính xác hoặc giải trình sai đối với Bên B.

Bên B không chịu trách nhiệm đối với bất cứ bên nào liên quan đến báo cáo kiểm toán hay bất kỳ sự tin cậy nào vào các báo cáo này ngoại trừ trong trường hợp được pháp luật quy định rõ ràng (và trong trường hợp đó cũng tùy thuộc vào điều khoản giới hạn trên).

Điều 13: Những thuật ngữ chung

Nhà cung cấp độc lập: Bên B được hiểu thống nhất là một nhà cung cấp độc lập. Bên B không được coi và sẽ không được coi là một đại lý, một hội viên, một người uỷ thác hay đại diện của Bên A hay của Hội đồng Quản trị của Bên A hoặc các cấp tương đương trong bộ máy quản lý của Bên A.

Sở hữu hồ sơ kiểm toán: Hồ sơ kiểm toán được lập trong quá trình Bên B thực hiện công việc là tài sản của Bên B. Hồ sơ này là các thông tin mật và thuộc quyền sở hữu của Bên B và được Bên B lưu trữ theo quy định và thủ tục của Bên B theo từng thời kỳ.

Sử dụng internet: Các Bên xác nhận rằng:

(a) Các bên có thể liên lạc hoặc trao đổi tài liệu qua thư điện tử và/hoặc qua internet trừ phi một trong hai Bên có các yêu cầu khác; và

(b) Các Bên chấp nhận các rủi ro tiềm tàng bao gồm rủi ro liên lạc bị ngăn chặn hoặc bị xâm nhập bất hợp pháp, bị sửa đổi làm sai lạc nội dung và bị vi-rút hoặc các thiết bị nguy hiểm khác tấn công. Do đó, các Bên sẽ kiểm tra vi-rút tất cả các thông tin liên lạc nhận hoặc gửi đi giữa hai Bên.

Giải trình và đảm bảo: Mỗi Bên giải trình và cam kết bảo đảm thực hiện với Bên kia các vấn đề sau:

(a) Mỗi Bên là một đơn vị tồn tại thực sự và được thành lập hợp pháp, có đủ quyền hạn để thực hiện công việc kinh doanh như hiện tại, ký kết và thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này, và tuân thủ toàn bộ các yêu cầu do luật pháp quy định cũng như các yêu cầu khác liên quan đến công việc kinh doanh của mình; và

(b) Mỗi Bên có đầy đủ quyền lợi, quyền hạn và năng lực pháp lý để ký kết và ràng buộc vào Hợp đồng này

Cam kết và trường hợp bất khả kháng: Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản nêu trên. Trong trường hợp gặp khó khăn bất khả kháng trong quá trình thực hiện hợp đồng, cả hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Không một Bên nào bị xem là vi phạm trách nhiệm theo hợp đồng đã ký kết hay phát sinh nghĩa vụ với Bên kia nếu một Bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do hậu quả của các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát hợp lý của mình. Trong trường hợp có một Bên bị ảnh hưởng bởi các sự kiện này, Bên đó phải có nghĩa vụ thông báo cho Bên kia trong thời gian sớm nhất có thể thực hiện được một cách hợp lý nhằm giúp Bên được thông báo có thể lựa chọn hoặc đình chỉ hoặc hủy bỏ Hợp đồng bằng cách ra thông báo với hiệu lực ngay lập tức.

Giải quyết tranh chấp: Bất kỳ tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết trước tiên thông qua trao đổi trực tiếp. Nếu các bên không giải quyết được bằng thương thảo, sẽ được giải quyết theo Bộ luật Dân sự của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và tại toà án kinh tế nơi ký hợp đồng.

Chuyển giao trách nhiệm: Ngoại trừ những điều dưới đây, không một Bên nào được phân công, chuyển giao hoặc uỷ quyền quyền lợi và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn, quyền lợi hoặc những khiếu kiện liên quan đến hợp đồng này) mà không được sự đồng ý chính thức bằng văn bản của các bên còn lại. Bên B có thể chuyển giao hoặc ký hợp đồng phụ chuyển giao quyền và nghĩa vụ của mình liên quan đến hợp đồng này tới bất cứ một Chi nhánh nào của mình tại Việt Nam hoặc nước ngoài sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

Cung cấp thông tin: Bên A đồng ý cho phép Bên B cung cấp một số thông tin nhất định liên quan đến các dịch vụ đề cập trong hợp đồng này cho mục đích thảo luận chào hàng hoặc soạn thảo các tài liệu quảng cáo nói chung, với điều kiện là:

(a) Khi soạn thảo thư chào hàng, Bên B chỉ được phép cung cấp tên của Bên A và diễn giải vắn tắt mô tả nội dung công việc, và

(b) Khi soạn thảo các tài liệu quảng cáo chung, Bên B phải được sự đồng ý cụ thể của Bên A trước khi phát hành các tài liệu này.

Điều 14: Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn của hợp đồng

Hợp đồng này là toàn bộ những thỏa thuận giữa Bên A và Bên B và thay thế cho tất cả các thỏa thuận hiện tại và trước đây bằng văn bản hay không bằng văn bản liên quan đến hợp đồng này của hai Bên.

Hợp đồng này thiết lập sự thỏa thuận tổng thể và sự hiểu biết giữa các Bên về các nội dung trong hợp đồng. Mọi thay đổi trong nội dung của Hợp đồng này phải được lập bằng văn bản và chỉ có hiệu lực sau khi được ký bởi đại diện của hai Bên.

Mỗi điều khoản trong Hợp đồng này cấu thành từng điều khoản riêng biệt và độc lập. Nếu bất kỳ điều khoản nào trong Hợp đồng này bị xem là không có hiệu lực hoặc không thể thi hành được theo phán quyết của tòa án hay cơ quan có đủ quyền hạn pháp lý, thì các điều khoản còn lại của hợp đồng vẫn giữ nguyên giá trị hiệu lực.

Bản Hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Hợp đồng hoặc khi có thỏa thuận huỷ bỏ Hợp đồng của cả hai Bên. Hợp đồng tự động thanh lý khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ của mình trong hợp đồng này.

Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản bằng ngôn ngữ tiếng Việt có giá trị như nhau, Bên A giữ 07 (bảy) bản, Bên B giữ 01 (một) bản.

Thay mặt và đại diện Bên B

Thay mặt và đại diện Bên A

Phụ lục 1: Địa chỉ và mã số thuế của các Chi nhánh trực thuộc của Bên A

STT	Tên Chi nhánh/Công ty trực thuộc	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Cà Mau	Xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau	0102276173-002
2	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	Ấp 3, Xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai	0102276173-003
3	Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh	0102276173-007

V.C.P. ★ 1/2017